

Số: 18/2022/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 14 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Tân Lạc,  
huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính  
phủ ban hành quy chế đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ  
Văn hóa-Thông tin về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt, đổi  
tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số  
91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 4545/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân  
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đặt tên 33 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, gồm:

- Đường mang tên danh nhân: 22 tuyến đường  
(Phụ lục I kèm theo)
- Đường mang tên danh từ, địa danh, sự kiện lịch sử: 11 tuyến đường  
(Phụ lục II kèm theo)

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2022./.

**CHỦ TỊCH**  
**Thái Thanh Quý**

## Phụ lục I

**Các tuyến đường mang tên Danh nhân trên địa bàn thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)	Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)	Kết cấu đường	Ghi chú
1	<b>Độc Thiết</b>	Đường Lê Lợi, Km90+150 QL.48 (Cầu Khe Tụ, Khối 4)	Cầu Đồng Minh, Km91+90 QL.48 (Khối 4) đường đi bản Na Ca	960	16	24	Nhựa	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp
2	<b>Lê Lợi</b>	Cầu Đồng Minh (Khối 4) (đường đi bản Na Ca)	Ngã 3 đường Thanh Niên (Khối 2)	1.990	16	27	Nhựa	Lãnh tụ Khởi nghĩa Lam Sơn - Vua đầu tiên nhà Lê sơ
3	<b>Hoàng Nguyên Cát</b>	Đường Độc Thiết, Km90+900 QL.48 (Khối 4)	Đường Mường Miếng (Khối 4)	370	8	9	Nhựa	Danh y thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVIII
4	<b>Minh Châu</b>	Đường Bạch Liêu (Khối 3)	Đường Chiêng Ngam - Hồ Xuân Hương (Khối Hoa Hải)	1310	12-14	18	Nhựa	Bí thư Ban cán sự Đảng liên huyện Nghĩa - Quỳnh. Nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Nghệ An Khóa VI, VII (1949 - 1954)
5	<b>Cắm Lứ</b>	Km91+280 QL.48 (Khối 3)	Đường Cắm Lứ (Khối 1)	760	6-8	9-12	Nhựa, Bê tông	Nhân vật khai bản, lập mường thế kỷ XIV
6	<b>Cắm Lạn</b>	Đường Phủ Bọn (Khối 3)	Đường Cắm Lứ (Khối 1)	360	6-10	12	Nhựa	Nhân vật khai bản, lập mường thế kỷ XIV
7	<b>Quản Thụ</b>	Đường Bạch Liêu (Khối 3)	Đường Quản Thông (Khối 1)	450	6	9	Nhựa, Bê tông	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)</b>	<b>Kết cấu đường</b>	<b>Ghi chú</b>
8	<b>Quản Thông</b>	Đường Phủ Quý - Phủ Bon (Khối 1)	Khu công nghiệp nhỏ huyện Quý Châu (Khối 1)	360	6	9	Nhựa	Thủ lĩnh phong trào Cần Vương chống Pháp
9	<b>Nguyễn Quốc Sùng</b>	Đường Minh Châu (khối 3)	Đường Phủ Bọn (Khối 3)	300	9	12	Nhựa	Bí thư Huyện ủy đầu tiên của huyện Quý Châu
10	<b>Bạch Liêu</b>	Đường Cắm Lứ (Khối 3)	Đường Phủ Bọn (Khối 3)	350	6	12	Nhựa	Nhà khoa bảng thế kỷ XIII
11	<b>Hồ Xuân Hương</b>	Đường Lê Lợi, Km92+645 (Khối Tân Hương)	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	2.100	6	12	Bê tông	Nhà thơ - Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế kỷ
12	<b>Trần Nguyên Hãn</b>	Đường Lê Lợi, Km91+750 (Khối 1)	Đường Phủ Quý Quản Thông (Khối 1)	915	12	18	Đá cấp phối	Danh tướng khởi nghĩa phối Lam Sơn
13	<b>Cắm Hiền</b>	Đường Nguyễn Trãi (Khối 2)	Đường Trần Nguyên Hãn (Khối 2)	490	6-8	15	Đá cấp phối	Nhân vật khai bản, lập mừng, đánh đuổi quân Minh
14	<b>Cắm Hoa</b>	Đường Lê Lợi (Khối 2)	Đường Lê Lai (Khối 2)	370	6-8	15	Nhựa + Đá cấp phối	Nhân vật khai bản, lập mừng, đánh đuổi quân Minh
15	<b>Lê Lai</b>	Đường Nguyễn Trãi (Khối 2)	Đường Trần Nguyên Hãn (Khối 2)	390	6-8	15	Nhựa	Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn
16	<b>Nguyễn Trãi</b>	Đường Lê Lợi, Km91+850 QL.48 (Khối 2)	Đường Bù Đăng - Trần Nguyên Hãn (Khối 2)	620	5-7	18	Bê tông	Anh hùng dân tộc - Danh nhân văn hóa kiệt xuất thế kỷ XV
17	<b>Mai Kinh</b>	Đường Lê Lợi Km91+700 QL.48 (Khối 2)	Đường Thanh Niên (Khối 2)	350	9	9	Nhựa	Nhà cách mạng Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)</b>	<b>Kết cấu đường</b>	<b>Ghi chú</b>
18	<b>Đặng Như Mai</b>	Đường Lê Lợi, Km91+550 QL.48 (Khối 2)	Đường Thanh Niên (Khối 2)	350	8	9	Nhựa	Thủ lĩnh khởi nghĩa Giáp Tuất chống Pháp
19	<b>Chu Huệ</b>	Nhà máy nước (Khối 2)	Đường Minh Châu (Khối 2)	360	10	12	Nhựa	Nhà cách mạng Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX
20	<b>Hoàng Văn Thụ</b>	Đường Lê Lợi, Km91+280 QL.48 (Khối 2)	Đường Mai Kính (Khối 2)	360	8	9	Nhựa	Nhà cách mạng Việt Nam giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX
21	<b>Trần Phó</b>	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	Đường Gia Hội (Khối Hoa Hải)	502	6	12	Nhựa	Bộ đội chủ lực tăng cường địa phương xây dựng cơ sở Đảng và củng cố lực lượng vũ trang giai đoạn 1947-1949
22	<b>Tăng Ba</b>	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	Đường Gia Hội (Khối Hoa Hải)	570	6	12	Bê tông	Bộ đội chủ lực tăng cường địa phương xây dựng cơ sở Đảng và củng cố lực lượng vũ trang giai đoạn 1947-1949

**Phụ lục II**

**Các tuyến đường mang tên danh từ, địa danh, sự kiện lịch sử trên địa bàn thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2002/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)</b>	<b>Kết cấu đường</b>	<b>Ghi chú</b>
1	<b>Thắm Ôm</b>	Đường Thanh Niên, Km92+490 QL.48 (Khối 2)	Cầu Khe Súng, Km94+850 QL.48 (Khối Tân Hương)	1.850	16	24	Nhựa	Địa danh
2	<b>Mường Miếng</b>	Đường Đốc Thiết, Km91+10 QL.48 (Khối 4)	Giao đường ven lòng hồ thủy lợi Bản Mông (Khối 4)	570	6	9	Nhựa	Địa danh
3	<b>Phủ Quý</b>	Đường Lê Lợi, Km91+950 QL.48 (Khối 2)	Km0+435 ĐT.544, điểm giáp ranh xã Châu Hạnh đi bản Hủa Na (Khối 1)	435	6-8	9	Nhựa	Địa danh
4	<b>Phủ Bọn</b>	Đường Lê Lợi, Km91+750 (Khối 1)	Đường Phú Quý – Quán Thông (Khối 1)	520	8-10	12	Nhựa	Địa danh
5	<b>Trà Bông</b>	Đường Gia Hội (Khối 3)	Giao Đường Lê Lợi, Km91+850 QL48 (Khối 3)	375	6-15	18	Nhựa-Bê tông	Địa danh
6	<b>Mường Murn</b>	Km93+320 QL.48 (Khối Tân Hương)	Đường Chiêng Ngam (Khối Tân Hương)	480	6	12	Bê tông	Địa danh
7	<b>Mường Chon</b>	Đường Hồ Xuân Hương (Khối Tân Hương)	Khu dân cư Khối Tân Hương	580	6	18	Đá cấp phối	Địa danh
8	<b>Chiêng Ngam</b>	Đường Thắm Ôm - Lê Lợi Km93+00 QL.48 (Khối Tân Hương)	Đường Minh Châu (Khối Hoa Hải)	3.640	6-8	21	Nhựa	Địa danh

<b>TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Điểm đầu</b>	<b>Điểm cuối</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường hiện trạng (m)</b>	<b>Chiều rộng nền đường quy hoạch (m)</b>	<b>Kết cấu đường</b>	<b>Ghi chú</b>
9	<b>Thanh Niên</b>	Đường Lê Lợi Km92+490 QL.48 (Khối 2)	Đường Minh Châu (Cầu Hoa Hải, Khối 2)	2.000	6	12	Bê tông	Danh từ
10	<b>Bù Đàng</b>	Đường Lê Lợi (Khối 2)	Đường Trần Nguyên Hãn - Nguyễn Trãi (Khối 2)	617	6	32	Nhựa	Địa danh – Sự kiện lịch sử
11	<b>Gia Hội</b>	Giao đường Tăng Ba	Giáp ranh xã Châu Hạng	1.280	6	12	Bê tông, đá cấp phối	Địa danh